

Số: 788 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 14 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Định mức kinh tế, kỹ thuật áp dụng triển khai các dự án, chương trình, mô hình khuyến nông trên địa bàn thành phố

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 22/TTr-SNN ngày 25/02/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh thay thế Định mức kinh tế, kỹ thuật áp dụng triển khai các dự án, chương trình, mô hình khuyến nông trên địa bàn thành phố ban hành tại Quyết định số 1525/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cụ thể như sau:

1. Các Định mức kinh tế, kỹ thuật áp dụng triển khai các dự án, chương trình, mô hình khuyến nông tại Phụ lục ban hành theo Quyết định số 1525/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng được điều chỉnh thay thế, gồm:

- Mô hình cửa hàng giới thiệu sản phẩm tại Mục IV Phần B Phụ lục I.
- Mô hình nuôi thâm canh cá rô phi tại dòng thứ tự 1 Mục 1 Phần B Phụ lục III.
- Mô hình nuôi bán thâm tôm sú tại dòng thứ tự 3 Mục 1 Phần B Phụ lục III.

(Nội dung chi tiết định mức kèm theo tại Phụ lục 1).

2. Các nội dung khác tại Quyết định số 1525/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng không thay đổi.

Điều 2. Ban hành bổ sung Định mức kinh tế, kỹ thuật áp dụng triển khai các dự án, chương trình, mô hình khuyến nông trên địa bàn thành phố, gồm:

- Mô hình sản xuất rau an toàn theo VietGAP.
- Mô hình sản xuất nấm đùi gà an toàn.
- Mô hình sản xuất nấm mỡ an toàn.
- Mô hình sản xuất hành, tỏi theo tiêu chuẩn VietGAP.
- Mô hình xuất hoa cát tường.
- Mô hình sản xuất hoa hướng dương.

- Mô hình trồng cây dâu tây.
- Mô hình trồng cây hương thảo.
- Mô hình sản xuất nấm đông trùng hạ thảo.
- Mô hình chăn nuôi thỏ thương phẩm an toàn sinh học.
- Mô hình chăn nuôi thỏ sinh sản an toàn sinh học.
- Mô hình chăn nuôi dê thương phẩm an toàn sinh học theo tiêu chuẩn VietGAHP.
- Mô hình chăn nuôi dê sinh sản an toàn sinh học
- Mô hình chăn nuôi bò câu an toàn sinh học.
- Mô hình chăn nuôi lợn thương phẩm (lợn thịt) theo hướng hữu cơ.
- Mô hình chăn nuôi gà lông màu thương phẩm thả vườn theo hướng hữu cơ.
- Mô hình chăn nuôi gà lông màu thương phẩm ứng dụng công nghệ cao tự động hóa sản xuất; quản lý giám sát khí độc, nhiệt độ, áp suất quá trình nuôi.
- Mô hình chăn nuôi gà sinh sản ứng dụng công nghệ cao tự động hóa sản xuất; quản lý giám sát khí độc, nhiệt độ, áp suất quá trình chăn nuôi.
- Mô hình nuôi cua biển hai giai đoạn.
- Mô hình phát triển ngao bền vững.
- Mô hình nuôi thâm canh cá trắm cỏ và cá chép bằng thức ăn công nghiệp.
- Mô hình ứng dụng công nghệ cao nuôi siêu thâm canh tôm thẻ chân trắng ba giai đoạn.
- Mô hình nuôi tôm càng xanh toàn đực hai giai đoạn.

(Nội dung chi tiết định mức kèm theo tại Phụ lục 2).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND TP;
- CVP, các PCVP;
- Phòng NNTNMT;
- CV: NN;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Thọ

(Handwritten mark)

PHỤ LỤC I

(Kèm theo Quyết định số ~~788~~ /QĐ-UBND ngày ~~14~~ tháng ~~3~~ năm 2022 của UBND thành phố)

A. LĨNH VỰC TƯ VẤN GIỚI THIỆU SẢN PHẨM

1. Mô hình cửa hàng giới thiệu sản phẩm nông nghiệp.

Định mức 01 cửa hàng

TT	Hạng mục	ĐVT	Định mức tối đa	Ghi chú
1	Pano, biển hiệu	bộ	1	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
2	Tờ gấp giới thiệu sản phẩm	Tờ	10.000	
3	Quy giao dịch	Quầy	1	
4	Điều hòa	Cái	1	
5	Camera giám sát, cảm biến khách hàng (bộ 3 mắt)	Bộ	1	
6	Tủ đông trưng bày sản phẩm (tủ ngang)	Cái	02	
7	Tủ mát trưng bày sản phẩm (tủ đứng)	Cái	02	
8	Máy hút chân không	Cái	01	
9	Máy vi tính, máy in	Bộ	01	
10	Máy in mã vạch	Cái	01	
11	Giấy in mã vạch	Cuộn	10	
12	Máy đọc mã vạch	Cái	01	
13	Máy in hóa đơn	cái	01	
14	Giấy in bill hóa đơn	Cuộn	10	
15	Phần mềm bán hàng	Phần mềm	01	

16	In tem dán sản phẩm	Cái/VP	10.000	
17	Bao bì đựng sản phẩm	Kg/VP	100	
18	Cân điện tử	Cái	01	
19	Giá khay kệ bày hàng	Bộ	01	
20	Máy test nhanh dư lượng đạm	Cái	01	
21	Máy test nhanh pH sản phẩm	Cái	01	
22	Máy điện thoại, kèm sim	cái	01	
23	Bồn rửa tay inox	Bộ	01	
24	Atomat, đồng hồ	Bộ	01	

B. LĨNH VỰC THỦY SẢN

I. Mô hình nuôi thâm canh cá rô phi

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1. Giống, vật tư					
-	Giống	Con/m ²	≤7	Quy cỡ giống: ≥ 5cm/con; Cá khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
-	Thức ăn	FCR	≤1.5	Thức ăn công nghiệp hàm lượng Protein ≥28%; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.	
-	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hỗ trợ: ≤ 150 triệu đồng/ha			
2. Chi triển khai					
-	Tập huấn xây dựng mô hình			Số lượng không quá 50 người/lớp	
	+ Số lần	Lần	2		
	+ Thời gian	Ngày/lần	01		
-	Tổng kết	Cuộc	01	Khi kết thúc	
-	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	ha/người	1	Có chuyên môn phù hợp	
-	Thời gian triển khai	Tháng	≤6		

2. Đào tạo tập huấn (tính cho 01 điểm mô hình)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	- Thời gian lý thuyết	Ngày	01	Đối tượng tham gia: người chưa tham gia mô hình
	- Thời gian thăm quan, thực hành.	Ngày	01	

3. Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	- Thăm quan, hội thảo	Cuộc/MH	01	Số lượng $\leq$ 80 người/cuộc.
	- Biển báo	Biển/hộ MH	≤ 2	
	- Tờ gấp, clip, sách kỹ thuật, tin bài, phóng sự...			Theo nội dung và kinh phí được duyệt

II. Mô hình nuôi bán thâm canh tôm sú

1. Hỗ trợ xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1. Giống, vật tư					
-	Giống	con/m ²	10-15	Quy cỡ giống P15, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
-	Thức ăn	FCR	1.5	Hàm lượng protein > 38%; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.	
-	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hỗ trợ: ≤ 80 triệu đồng/ha			
2. Chi triển khai					

-	Tập huấn xây dựng mô hình			Số lượng không quá 50 người/lớp	
	+ Số lần	Lần	1		
	+ Thời gian	Ngày/lần	01		
-	Tổng kết	Cuộc	01	Khi kết thúc	
-	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	Người/điểm	1-2	Có chuyên môn phù hợp	
-	Thời gian triển khai	Tháng/năm	≤6		

2. Đào tạo tập huấn (tính cho 01 điểm mô hình)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	- Thời gian lý thuyết	Ngày	01	Đối tượng tham gia: người chưa tham gia mô hình
	- Thời gian thăm quan, thực hành.	Ngày	01	

3. Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	- Thăm quan, hội thảo	Cuộc/MH	01	Số lượng ≤ 80 người/cuộc.
	- Biển báo	Biển/hộ MH	≤1	
	- Tờ gấp, clip, sách kỹ thuật, tin bài, phóng sự...			Theo nội dung và kinh phí được duyệt

PHỤ LỤC II

(Kèm theo Quyết định số **788** /QĐ-UBND ngày **14** tháng **3** năm 2022 của UBND thành phố)

A. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT

I. Mô hình sản xuất rau an toàn theo VietGAP

1. Hỗ trợ mô hình (tính cho 01ha)

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1.	Giống, vật tư				
1.1	Giống				
a	Dưa chuột, dưa chuột bao tử, dưa lưới bao tử...	cây	32.000 – 33.360	Giống được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
		kg	0,5 – 0,7		
b	Bí xanh mướp, bầu bí	cây	33.000		
		kg	01		
c	Khoai tây	kg	1.500		
1.2	Vật tư phân bón				
1.2.1	Dưa chuột, dưa chuột bao tử, dưa lưới bao tử...				
-	NPK lót 5.10.3	kg	500-600		
-	NPK thúc 13.13.13	kg	350-400		
-	Phân hữu cơ sinh học	kg	2.000		
-	Phân bón lá	1.000đ	5.600		
-	Thuốc BVTV	1.000đ	7.500		
-	Dóc cắm	cây	14.000		

1.2.2	Bí xanh mướp, bầu bí				
-	NPK lót 5.10.3	kg	500-600		
-	NPK thúc 13.13.13	kg	350-400		
-	Phân hữu cơ sinh học	kg	2.000		
-	Phân bón lá	1.000đ	4.200		
-	Thuốc BVTV	1.000đ	3.500		
1.2.3	Khoai tây				
-	NPK lót 5.10.3	kg	500-600		
-	NPK thúc 13.13.13	kg	350-400		
-	Phân hữu cơ sinh học	kg	2.000		
-	Phân bón lá	1.000đ	5.500		
-	Thuốc BVTV	1.000đ	6.000		
2	Triển khai				
2.1	Tập huấn				
-	Số lần	Lần	01		
-	Thời gian/ lần	Ngày	01		
2.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	Người/điểm	01		
2.3	Thời gian triển khai	Tháng	04		
2.4	Sơ kết, tổng kết				
-	Tổng kết	Ngày	01		

2. Đào tạo tập huấn (tính cho 01 điểm mô hình)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	01	Đối tượng tham gia: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan thực hành	Ngày	01	

3. Thông tin tuyên truyền (tính cho 01 điểm mô hình)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	01	
2	Biên báo, Tờ gấp, clip, tin bài, phóng sự....			Theo thuyết minh dự toán được phê duyệt

II. Mô hình sản xuất nấm đùi gà an toàn

1. Hỗ trợ mô hình

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1.	Giống, vật tư	Tính cho 01 tấn nguyên liệu			
1.1	Giống Nấm đùi gà	chai	180	Giống được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật	Mức hỗ trợ theo quy
1.2	Vật tư nguyên liệu				
-	Nguyên liệu	kg	1.000		
-	Cám gạo	kg	120		
-	Bột ngô	kg	40		
-	Túi PE	kg	6		
-	Nút, bông, chun	kg	6		

-	Giàn giá	1.000đ	5.000		định hiện hành
	Bột nhẹ	kg	12		
2.	Giống, vật tư đã qua gia công				
2.1	Bịch nắm đã gia công	Bịch	1.000		
3	Chi triển khai				
3.1	Tập huấn				
-	Số lần	Lần	01		
-	Thời gian/ lần	Ngày	01		
3.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	Người/ điểm	01		
3.3	Thời gian triển khai	Tháng	05		
3.4	Tổng kết	Ngày	01		

2. Đào tạo tập huấn (tính cho 01 điểm mô hình)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	01	Đối tượng tham gia: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan thực hành	Ngày	01	

3. Thông tin tuyên truyền (tính cho 01 điểm mô hình)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	01	
2	Biển báo, Tờ gấp, clip, tin bài, phóng sự....			Theo thuyết minh dự toán được phê duyệt

III. Mô hình sản xuất nấm mỡ an toàn

1. Hỗ trợ mô hình

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1.	Giống, vật tư	Tính cho 01 tấn nguyên liệu			
1.1	Giống Nấm mỡ	kg	18-20	Giống được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
1.2	Vật tư nguyên liệu				
-	Nguyên liệu	kg	1.000		
-	Đạm Urea	kg	5		
-	Đạm sulfatamon (SA) hoặc Phân gà (phân trâu/bò) khô	kg	20		
		kg	150		
-	Super lân (P_2O_5)	kg	30		
	Bột nhẹ ($CaCO_3$)	kg	30		
-	Giàn giá	1.000đ	5.000		
3	Chi triển khai				
3.1	Tập huấn				
-	Số lần	Lần	01		
-	Thời gian/ lần	Ngày	01		
3.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	Người/đ iểm	01		
3.3	Thời gian triển khai	Tháng	05		
3.4	Tổng kết	Ngày	01		

2. Đào tạo tập huấn (tính cho 01 điểm mô hình)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	01	Đối tượng tham gia: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan thực hành	Ngày	01	

3. Thông tin tuyên truyền (tính cho 01 điểm mô hình)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	01	
2	Biển báo, Tờ gấp, clip, tin bài, phóng sự....			Theo thuyết minh dự toán được phê duyệt

IV. Mô hình sản xuất hành, tỏi theo tiêu chuẩn VietGAP

1. Xây dựng mô hình

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú	
1	Hỗ trợ giống, vật tư	Tính cho 01 ha				
-	Giống hành, tỏi	Kg	1.200	Củ giống được chọn từ củ khoẻ đồng đều, không bị sâu bệnh, căng đều không thối, màu sắc củ vỏ sáng		Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
-	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	2.000	TCCS		
-	Đạm	Kg	200	TCCS	Mô hình sử dụng phân đơn	
	Lân	Kg	500	TCCS		
	Kali	Kg	250	TCCS		
-	NPK 5-10-3	Kg	400-500	TCCS	Mô hình sử	

	NPK 13-13-13	Kg	500-550	TCCS	dụng phân NPK tổng hợp	
-	Phân bón lá	1.000đ	5.000	TCCS		
-	Thuốc BTV, chế phẩm sinh học	1.000 đ	10.000	TCCS		
2	Chi triển khai					
2.1	Tập huấn kỹ thuật			Số lượng không quá 50 người/lớp		
	Số lần	Lần	01			
	Thời gian/lần	Ngày	01			
2.2	Tổng kết	Cuộc	01			
2.3	Thời gian triển khai	Tháng	5 tháng			

2. Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	01	Đối tượng: hộ nông dân chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	01	

3. Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan, hội thảo	Cuộc/MH	01	Số lượng ≤ 100 người/cuộc
2	Pano vùng, biển báo, tờ gấp, clip, sách kỹ thuật...			Theo nội dung và kinh phí được duyệt

V. Mô hình xuất hoa Cát tường

1. Xây dựng mô hình

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú	
1	Hỗ trợ giống, vật tư	Tính cho 01 ha				Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
-	Cây giống	cây	350.000	Củ giống được chọn từ củ khoai đồng đều, không bị sâu bệnh, căng đều không thối, màu sắc củ vỏ sáng		
-	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	28000	TCCS		
-	Đạm	Kg	1000	TCCS	Mô hình sử dụng phân đơn	
	Lân	Kg	1500	TCCS		
	Kali	Kg	1000	TCCS		
-	NPK 20:20:15	Kg	2300-2500	TCCS	Mô hình sử dụng phân NPK tổng hợp	
-	Phân bón lá	1.000đ	6.000	TCCS		
-	Thuốc BTV, chế phẩm sinh học	1.000 đ	7.000	TCCS		
-	Lưới đỡ cây	kg	420			
-	Chậu nhựa	cái	110.000			
2	Chi triển khai					
2.1	Tập huấn kỹ thuật			Số lượng không quá 50 người/lớp		

	Số lần	Lần	01			
	Thời gian/lần	Ngày	01			
2.2	Tổng kết	Cuộc	01			
2.3	Thời gian triển khai	Tháng	5 tháng			

2. Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	01	Đối tượng: hộ nông dân chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	01	

3. Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan, hội thảo	Cuộc/MH	01	Số lượng ≤ 100 người/cuộc
2	Pano vùng, biển báo, tờ gấp, clip, sách kỹ thuật...			Theo nội dung và kinh phí được duyệt

VI. Mô hình sản xuất hoa Hướng dương

1. Xây dựng mô hình

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú	
1	Hỗ trợ giống, vật tư	Tính cho 01 ha				Mức hỗ trợ theo
-	Hạt giống	Kg	06	TCCS		
-	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	4.000	TCCS		
-	Đạm	Kg	150	TCCS	Mô hình sử dụng phân bón đơn	
-	Lân	Kg	300	TCCS		

-	Kali	Kg	200	TCCS	Mô hình sử dụng phân bón NPK tổng hợp	quy định hiện hành
-	NPK 5-10-3	Kg	500-600	TCCS		
-	NPK 13-13-13	Kg	400-500	TCCS		
-	Phân bón lá	1.000đ	5.000	TCCS		
-	Vôi bột	Kg	100	TCCS		
-	Thuốc BTV, chế phẩm sinh học	1.000 đ	900	TCCS		
2	Chi triển khai					
2.1	Tập huấn kỹ thuật			Số lượng không quá 50 người/lớp		
	Số lần	Lần	01			
	Thời gian/lần	Ngày	01			
2.2	Tổng kết	Cuộc	01			
2.3	Thời gian triển khai	Tháng	5 tháng			

2. Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	01	Đối tượng: hộ nông dân chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	01	

3. Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
----	----------	-----	-------------	---------

1	Tham quan, hội thảo	Cuộc/MH	01	Số lượng ≤ 100 người/cuộc
2	Pano vùng, biển báo, tờ gấp, clip, sách kỹ thuật...			Theo nội dung và kinh phí được duyệt

VII. Mô hình trồng cây dâu tây

1. Xây dựng mô hình

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú	
1	Hỗ trợ giống, vật tư	Tính cho 01 ha				
1.1	Xây dựng mô hình trồng cây dâu tây ngoài đồng ruộng				Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành	
-	Cây giống	Cây	60.000-70.000	Cây giống được nuôi cấy mô hoặc cây được nhân giống từ cây tía sạch bệnh.		
-	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	10.000-11.000	TCCS		
-	Đạm	Kg	260	TCCS		Mô hình sử dụng phân đơn
	Lân	Kg	750	TCCS		
	Kali	Kg	235	TCCS		
-	NPK 5-10-3	Kg	600-700	TCCS		Mô hình sử dụng phân NPK tổng hợp
	NPK 13-13-13	Kg	400-500	TCCS		
-	Vôi bột	Kg	1000	TCCS		
-	Boric	kg	40	TCCS		
-	MgSO4	kg	40	TCCS		
-	Thuốc BTV, chế phẩm sinh	1.000 đ	6.000	TCCS		

Mức hỗ trợ
theo quy định
hiện hành

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Hỗ trợ giống, vật tư	Tính cho 01 ha			
	học				
-	Nilong che phủ luống	Cuộn	35	TCCS	
1.2	Xây dựng mô hình trồng cây dâu tây trong nhà màng				
-	Cây giống	Cây	60.000- 70.000	Cây giống được nuôi cấy mô hoặc cây được nhân giống từ cây tía sạch bệnh.	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
-	Đạm nguyên chất (N)	Kg	120	TCCS	
-	Lân nguyên chất (P2O5)	Kg	125	TCCS	
-	Kali nguyên chất (K2O)	Kg	140	TCCS	
-	MgSO4	Kg	50	TCCS	
-	Ca(NO3)2	Kg	200	TCCS	
-	Vi lượng tổng hợp chelate (Fe,Zn,Cu,Mn,Bo,Mo)	kg	25	TCCS	
-	Sơ dừa, giá thể...	Kg	35.000	TCCS	
-	Khay nhựa trồng cây	cái	20.000	CCS	
-	Thuốc BVTV sinh học	1.000đ	1.000	TCCS	
2	Chi triển khai				
2.1	Tập huấn kỹ thuật (01 ngày/lần/năm)	Lần	01	Số lượng không quá 50 người/lớp	
2.2	Tổng kết (01 lần/năm)	Cuộc	01		
2.3	Thời gian triển khai	Tháng	8		

2. Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	01	Đối tượng: hộ nông dân chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	01	

3. Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan, hội thảo	Cuộc/MH	01	Số lượng ≤ 100 người/cuộc
2	Pano vùng, biển báo, tờ gấp, clip, sách kỹ thuật...			Theo nội dung và kinh phí được duyệt

VIII. Mô hình trồng cây hương thảo

1. Xây dựng mô hình

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Hỗ trợ giống, vật tư	Tính cho 01 ha			
1.1	Năm thứ nhất				
-	Cây giống	Cây	16.800	- Cây giống được ươm trong bầu nilon đen	

				- Chiều cao cây giống: từ mặt giá thể bầu ươm đến đỉnh chồi từ 10-12cm trở lên.; - Cây giống sinh trưởng, phát triển tốt, không mang các dịch hại nguy hiểm, không bị sâu bệnh.	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
-	Phân hữu cơ vi sinh	Tấn	11,2	TCCS	
-	NPK 16-8-16+TE	Kg	1.100-1.200	TCCS	
-	Vôi bột	kg	300-500	TCCS	
-	Thuốc BTV, chế phẩm sinh học	1.000 đ	5.000	TCCS	
-	Nilong che phủ luống	Cuộn	35	TCCS	
1.2	Năm thứ hai trở đi				
-	Phân hữu cơ vi sinh	Tấn	5,6	TCCS	
-	NPK 16-8-16+TE	Kg	1.100-1.200	TCCS	
-	Thuốc BTV, chế phẩm sinh học	1.000 đ	5.000	TCCS	
2	Chi triển khai				
2.1	Tập huấn kỹ thuật (01 ngày/lần/năm)	Lần	02	Số lượng không quá 50 người/lớp	
2.2	Tổng kết (01 lần/năm)	Cuộc	02		
2.3	Thời gian triển khai	Năm	02		

2. Đào tạo tập huấn

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	01	Đối tượng: hộ nông dân chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan, thực hành	Ngày	01	

3. Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan, hội thảo	Cuộc/MH	01	Số lượng ≤ 100 người/cuộc
2	Pano vùng, biển báo, tờ gấp, clip, sách kỹ thuật...			Theo nội dung và kinh phí được duyệt

IX. Mô hình Sản xuất nấm Đông trùng hạ thảo

1. Hồ trợ mô hình (tính cho 1000 lọ phôi nấm)

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1.	Giống, vật tư				Mức hỗ trợ theo quy định hiện
1.1	Giống nấm Đông trùng hạ thảo	kg	15	Giống được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật	
1.2	Vật tư nguyên liệu	kg			
-	Gạo lứt	kg	25		
-	Bột nhộng tằm	kg	01		
-	Bột đầu lạnh	kg	0,5		
-	Đường gluco	kg	0,9		

-	Lọ nhựa/thủy tinh dung tích 200-500ml	Lọ	10.000		hành
-	Giàn giá	1.000đ	5.000		
2.	Giống, vật tư đã qua gia công				
2.1	Lọ phôi nấm	Lọ	10.000		
3	Chi triển khai				
3.1	Tập huấn				
-	Số lần	Lần	01		
-	Thời gian/ lần	Ngày	01		
3.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	Người/ điểm	01		
3.3	Thời gian triển khai	Tháng	05		
3.4	Tổng kết				
-	Tổng kết	Ngày	01		

2. Đào tạo tập huấn (tính cho 01 điểm mô hình)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	01	Đối tượng tham gia: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan thực hành	Ngày	01	

3. Thông tin tuyên truyền (tính cho 01 điểm mô hình)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	01	
2	Biển báo, Tờ gấp, clip, tin bài, phóng sự....			Theo thuyết minh dự toán được phê duyệt

B. LĨNH VỰC CHĂN NUÔI

I. Mô hình chăn nuôi thả thương phẩm an toàn sinh học

1. Hỗ trợ mô hình (tính cho 01 con)

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1.	Giống, vật tư				
1.1	Giống ban đầu	Kg	$\geq 0,5$	Giống được công nhận TBKT hoặc được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
1.2.	Thức ăn hỗn hợp (hỗ trợ thức ăn trong vòng 90 ngày)	kg	13,5	Hàm lượng Protein thô 16-18%	
1.3.	Vắc xin phòng bại huyết	Liều	01		
1.4.	Thuốc tẩy ký sinh trùng	Liều	04		
1.5	Chế phẩm sinh học	Kg/con	0.05	(bổ sung thức ăn, nước uống)	
1.6	Acid hữu cơ, thảo dược đậm đặc	Lít	0,03		
1.7	Hóa chất sát trùng pha loãng theo quy định	Lít/con	15		
1.8	Thuốc thú y	Gói (lọ)/điểm	200		

2	Chi triển khai				
2.1	Tập huấn				
-	Số lần	Lần	01		
-	Thời gian/ lần	Ngày	01		
2.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	Người/điểm	01		
2.3	Thời gian triển khai	Tháng	04		
2.4	Tổng kết	Ngày	01		

2. Đào tạo tập huấn (tính cho 01 điểm mô hình)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	01	Đối tượng tham gia: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan thực hành	Ngày	01	

3. Thông tin tuyên truyền (tính cho 01 điểm mô hình)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	01	
2	Biển báo	Chiếc/ hộ	01	
3	Tờ gấp, clip, tin bài, phóng sự....			Theo thuyết minh dự toán được phê duyệt

II. Mô hình chăn nuôi thỏ sinh sản an toàn sinh học

1. Hỗ trợ mô hình (tính cho 01 con)

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú	
1.	Giống, vật tư					
1.1	Giống ban đầu	kg	2,5-3	Giống được công nhận TBKT hoặc được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật	(Giống đạt 3 tháng tuổi)	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
1.2.	Thức ăn hỗn hợp (hỗ trợ thức ăn trong vòng 120 ngày)	kg	27	Hàm lượng Protein thô 16-18%		
1.3.	Vắc xin phòng bại huyết	Liều	02			
1.4.	Thuốc tẩy ký sinh trùng	Liều	08			
1.5	Chế phẩm sinh học	Kg	0.05	(bổ sung)		
1.6	Acid hữu cơ, thảo dược đậm đặc	Lít	0,03			
1.7	Hóa chất sát trùng pha loãng theo quy định	Lít	15			
1.8	Thuốc thú y	Gói (lọ)/điểm	200			
2	Chi triển khai					
2.1	Tập huấn					
-	Số lần	Lần	01			
-	Thời gian/ lần	Ngày	01			
2.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	Người/ điểm	01			
2.3	Thời gian triển khai	Tháng	≥6			

2.4	Tổng kết	Ngày	01			
-----	----------	------	----	--	--	--

2. Đào tạo tập huấn (tính cho 01 điểm mô hình)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	01	Đối tượng tham gia: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan thực hành	Ngày	01	

3. Thông tin tuyên truyền (tính cho 01 điểm mô hình)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	01	
2	Biển báo	Chiếc/ hộ	01	
3	Tờ gấp, clip, tin bài, phóng sự....			Theo thuyết minh dự toán được phê duyệt

III. Mô hình chăn nuôi dê thương phẩm an toàn sinh học theo tiêu chuẩn VietGAHP

1. Hỗ trợ mô hình (tính cho 01 con)

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú	
1.	Giống, vật tư					
1.1	Giống ban đầu (dê lai, dê ngoại)	kg	≥15	Giống được công nhận TBKT hoặc được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật	(Giống đạt 9 tháng tuổi)	
1.2	Thức ăn hỗn hợp (hỗ trợ thức ăn trong vòng 120 ngày)	kg	45	Hàm lượng Protein thô 14-16%		

1.3	Vắc xin phòng bệnh	Liều	6			Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
-	Đậu (1)					
-	Lở mồm long móng (2)					
-	Viêm ruột hoại tử (1)					
-	Tụ huyết trùng (2)					
1.4	Thuốc thú y	Liều	5			
-	Ve, ghẻ, rận (2)					
-	Ký sinh trùng đường ruột (2)					
-	Sán lá gan (1)					
	Thuốc kháng sinh	gram	100			
1.5	Chế phẩm sinh học	Kg	0,18	(bổ sung)		
1.6	Tăng liếm	Kg	0,3			
1.7	Hóa chất sát trùng pha loãng theo quy định	Lít	15			
2	Chi triển khai					
2.1	Tập huấn					
-	Số lần	Lần	01			
-	Thời gian/ lần	Ngày	01			
2.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	Người /điểm	01			
2.3	Thời gian triển khai	Tháng	≥4			
2.4	Tổng kết	Ngày	01			

2. Đào tạo tập huấn (tính cho 01 điểm mô hình)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	01	Đối tượng tham gia: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan thực hành	Ngày	01	

3. Thông tin tuyên truyền (tính cho 01 điểm mô hình)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	01	
2	Biển báo	Chiếc/ hộ	01	
3	Tờ gấp, clip, tin bài, phóng sự....			Theo thuyết minh dự toán được phê duyệt

IV. Mô hình chăn nuôi dê sinh sản an toàn sinh học

1. Hỗ trợ mô hình (tính cho 01 con)

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1.	Giống, vật tư				
1.1	Giống ban đầu			Giống được công nhận TBKT hoặc được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật	
-	Dê cái giống ngoại	Kg/con	23-27	Giống đạt 9 tháng tuổi	
-	Dê cái giống lai	Kg/con	18-22		
-	Dê cái nội	Kg/con	13-17	Giống đạt 6 tháng tuổi	
-	Dê đực giống ngoại	Kg/con	30-34	Giống đạt 12 tháng tuổi	
1.2	Thức ăn, vật tư			Hàm lượng Protein thô 14-16%	
-	Thức ăn hỗn hợp cho dê cái ngoại, lai từ	Kg	120		

	hậu bị đến khi đẻ				
-	Thức ăn hỗn hợp cho dê nội từ hậu bị đến khi đẻ	Kg	72		Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
-	Thức ăn cho dê đực	Kg	120		
1.3	Vắc xin phòng bệnh	Liều	8		
-	Đậu (2)				
-	Lở mồm long móng (2)				
-	Viêm ruột hoại tử (2)				
-	Tụ huyết trùng (2)				
1.4	Thuốc thú y	Liều	6		
-	Ve, ghẻ, rận (2)				
-	Ký sinh trùng đường ruột (2)				
-	Sán lá gan (2)				
	Thuốc kháng sinh	gram	300		
1.5	Chế phẩm sinh học	Kg	0,36	(bổ sung)	
1.6	Tăng liếm	kg	2	(thức ăn bổ sung)	
1.7	Hóa chất sát trùng pha loãng theo quy định	Lít	15		
2	Chi triển khai				
2.1	Tập huấn				
-	Số lần	Lần	01		
-	Thời gian/ lần	Ngày	01		
2.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	Người/ điểm	01		
2.3	Thời gian triển khai	Tháng	≥6		

2.4	Tổng kết	Ngày	01		
-----	----------	------	----	--	--

2. Đào tạo tập huấn (tính cho 01 điểm mô hình)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	01	Đối tượng tham gia: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan thực hành	Ngày	01	

3. Thông tin tuyên truyền (tính cho 01 điểm mô hình)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	01	
2	Biển báo	Chiếc/ hộ	01	
3	Tờ gấp, clip, tin bài, phóng sự....			Theo thuyết minh dự toán được phê duyệt

V. Mô hình chăn nuôi bồ câu an toàn sinh học

1. Hỗ trợ mô hình (tính cho 01 đôi)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú	
1.	Giống, vật tư					
1.1	Giống ban đầu	Đôi	01	Giống được công nhận TBKT hoặc được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật	(Giống lai hoặc ngoại 3 tháng tuổi)	
1.2.	Thức ăn hỗn hợp (hỗ trợ thức ăn trong giai đoạn 3-6 tháng tuổi)	kg	12,5	Hàm lượng Protein thô 13-15%		

	Thức ăn chim non từ ngày tuổi 10 đến xuất bán (hỗ trợ 20 ngày)	kg	3,5	Hàm lượng Protein thô 13-15%		Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
1.3.	Vắc xin	Liều	01	Newcastle		
1.4.	Hóa chất sát trùng	Lít	02	Đã quy đổi dung dịch pha loãng theo quy định		
1.5	Acid hữu cơ, thảo dược, kháng sinh	Lít	0,02			
1.6	Chế phẩm sinh học bổ sung thức ăn, nước uống	kg	0,01			
1.7	Chế phẩm sinh học bơm chuồng trại, làm đệm lót sinh học	kg	0,05			
2	Chi triển khai					
2.1	Tập huấn					
-	Số lần	Lần	01			
-	Thời gian/ lần	Ngày	01			
2.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	Người/điểm	01			
2.3	Thời gian triển khai	Tháng	≥06			
2.4	Tổng kết	Ngày	01			

2. Đào tạo tập huấn (tính cho 01 điểm mô hình)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	01	Đối tượng tham gia: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan thực hành	Ngày	01	

3. Thông tin tuyên truyền (tính cho 01 điểm mô hình)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	01	
2	Biển báo	Chiếc/ hộ	01	
3	Tờ gấp, clip, tin bài, phóng sự....			Theo thuyết minh dự toán được phê duyệt

VI. Mô hình chăn nuôi lợn thương phẩm (lợn thịt) theo hướng hữu cơ

1. Hỗ trợ mô hình (tính cho 01 con)

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1.	Giống, vật tư				
1.1	Giống ban đầu			Giống được công nhận TBKT hoặc được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật	Mức hỗ trợ theo
-	Lợn ngoại, lai	kg	9-11		
-	Lợn nội	kg	5-7	Móng cái 7kg; lợn nội khác 5 kg	
1.2	Thức ăn hỗn hợp				
-	Lợn ngoại, lai (KLXC 90-100kg, TTTA/kgP 2,5-2,7)	kg	225	Hàm lượng Protein thô 16-18%	
-	Lợn Móng Cái (KLXC 60kg, TTTA/kgP 3,5)	kg	186	Hàm lượng Protein thô 14-16%	
	Lợn nội khác (KLXC 30-40kg,	kg	158	Hàm lượng Protein thô 14-16%	

	TTTA/kgP 4,5)				quy định hiện hành
1.3.	Vắc xin phòng bệnh	Liều	6		
-	Dịch tả (1)				
-	Lở mồm long móng (1)				
-	Tai xanh (1)				
-	Tụ huyết trùng (1)				
-	Phó thương hàn (1)				
-	Đóng dấu (1)				
1.4	Chế phẩm sinh học			(bổ sung thức ăn, nước uống và phụ chuồng trại)	
-	Lợn ngoại, lai	Kg	1,38		
-	Lợn nội	Kg	0,5		
1.5	Hóa chất sát trùng pha loãng theo quy định	Lít	15		
1.6	Thuốc tẩy ký sinh trùng	Liều	2		
2	Chi triển khai				
2.1	Tập huấn				
-	Số lần	Lần	01		
-	Thời gian/ lần	Ngày	01		
2.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	Người/ điểm	01		
2.3	Thời gian triển khai	Tháng	≥4		
2.4	Tổng kết	Ngày	01		

2. Đào tạo tập huấn (tính cho 01 điểm mô hình)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	01	Đối tượng tham gia: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan thực hành	Ngày	01	

3. Thông tin tuyên truyền (tính cho 01 điểm mô hình)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	01	
2	Biển báo	Chiếc/ hộ	01	
3	Tờ gấp, clip, tin bài, phóng sự....			Theo thuyết minh dự toán được phê duyệt

VII. Mô hình chăn nuôi gà lông màu thương phẩm thả vườn theo hướng hữu cơ

1. Hỗ trợ mô hình (tính cho 01 con)

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1.	Giống, vật tư.				
1.1	Giống ban đầu	con	01	Giống được công nhận TBKT hoặc được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật	
1.2	Thức ăn hỗn hợp				
*	Thức ăn hỗn hợp cho gà hướng thịt lông màu nhập nội				
-	Giai đoạn 1 -21 ngày tuổi	kg	0,8	Hàm lượng Protein thô 20-21%	
-	Giai đoạn từ 22 ngày tuổi đến xuất chuồng	kg	5,7	Hàm lượng Protein thô 17-18%	

*	Thức ăn hỗn hợp cho gà nội				Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
-	Giai đoạn 1 -21 ngày tuổi	kg	0,5	Hàm lượng Protein thô 20-21%	
-	Giai đoạn từ 22 ngày tuổi đến xuất chuồng	kg	5,1	Hàm lượng Protein thô 17-18%	
*	Thức ăn hỗn hợp cho gà màu lai				
-	Giai đoạn 1 -21 ngày tuổi	kg	0,7	Hàm lượng Protein thô 20-21%	
-	Giai đoạn từ 22 ngày tuổi đến xuất chuồng	kg	5,9	Hàm lượng Protein thô 17-18%	
1.3.	Vắc xin phòng bệnh	Liều	08	Gum (2); ND-IB (2); New (1); Đậu (1); Cúm (2).	
1.4	Chế phẩm sinh học			(bổ sung thức ăn, nước uống và phụ chuồng trại)	
-	Bổ sung thức ăn	kg	0,03		
-	Phun chuồng trại	kg	0,1		
-	Acid hữu cơ, thảo dược đậm đặc	Lít	0,01		
1.5	Hóa chất sát trùng pha loãng theo quy định	Lít	15		
2	Chi triển khai				
2.1	Tập huấn				
-	Số lần	Lần	01		
-	Thời gian/ lần	Ngày	01		
2.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	Người/điểm	01		
2.3	Thời gian triển khai	Tháng	≥4		
2.4	Tổng kết	Ngày	01		

2. Đào tạo tập huấn (tính cho 01 điểm mô hình)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	01	Đối tượng tham gia: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan thực hành	Ngày	01	

3. Thông tin tuyên truyền (tính cho 01 điểm mô hình)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	01	
2	Biển báo	Chiếc/ hộ	01	
3	Tờ gấp, clip, tin bài, phóng sự....			Theo thuyết minh dự toán được phê duyệt

VIII. Xây dựng mô hình chăn nuôi gà lông màu thương phẩm ứng dụng công nghệ cao tự động hóa sản xuất; quản lý giám sát khí độc, nhiệt độ, áp suất quá trình nuôi

1. Xây dựng mô hình (tính cho 01 con)

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1.	Giống, vật tư				
1.1	Giống ban đầu	con	01	Giống được công nhận TBKT hoặc được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật	
1.2	Thức ăn hỗn hợp				

*	<i>Thức ăn hỗn hợp cho gà hướng thịt lông màu nhập nội</i>			
-	Giai đoạn 1 -21 ngày tuổi	kg	0,8	Hàm lượng Protein thô 20-21%
-	Giai đoạn từ 22 ngày tuổi đến xuất chuồng	kg	5,7	Hàm lượng Protein thô 17-18%
*	<i>Thức ăn hỗn hợp cho gà nội</i>			
-	Giai đoạn 1 -21 ngày tuổi	kg	0,5	Hàm lượng Protein thô 20-21%
-	Giai đoạn từ 22 ngày tuổi đến xuất chuồng	kg	5,1	Hàm lượng Protein thô 17-18%
*	<i>Thức ăn hỗn hợp cho gà màu lai</i>			
-	Giai đoạn 1 -21 ngày tuổi	kg	0,7	Hàm lượng Protein thô 20-21%
-	Giai đoạn từ 22 ngày tuổi đến xuất chuồng	kg	5,9	Hàm lượng Protein thô 17-18%
1.3.	Vắc xin phòng bệnh	Liều	08	Gum (2); ND-IB (2); New (1); Đậu (1); Cúm (2).
1.4	Chế phẩm sinh học			(bổ sung thức ăn, nước uống và phu chuồng trại)
-	Bổ sung thức ăn	kg	0,03	
-	Phun chuồng trại	kg	0,1	
-	Acid hữu cơ, thảo dược đậm đặc	Lít	0,01	
1.5	Hóa chất sát trùng pha loãng theo	Lít	15	

Mức
hỗ trợ

	quy định				theo quy định hiện hành
2	Thiết bị ứng dụng công nghệ cao, tự động hóa	chuồng 500-1000 m ²			
-	Thiết bị cảm biến (nhiệt độ, độ ẩm, áp suất, tốc độ gió, khí độc NH ₃ , H ₂ S)	Thiết bị	01		
-	Máng ăn tự động	con/máng	30		
-	Máng uống tự động	con/núm	20		
-	Núm phun sát trùng	núm/10m ²	01		
-	Quạt thông gió	Cái/500m ²	04		
3	Chi triển khai				
3.1	Tập huấn				
-	Số lần	Lần	01		
-	Thời gian/ lần	Ngày	01		
3.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	Người/điểm	01		
3.3	Thời gian triển khai	Tháng	≥4		
3.4	Tổng kết	Ngày	01		

2. Đào tạo tập huấn (tính cho 01 điểm mô hình)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	01	Đối tượng tham gia: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan thực hành	Ngày	01	

3. Thông tin tuyên truyền (tính cho 01 điểm mô hình)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	01	
2	Biển báo	Chiếc/ hộ	01	
3	Tờ gấp, clip, tin bài, phóng sự....			Theo thuyết minh dự toán được phê duyệt

IX. Mô hình chăn nuôi gà sinh sản ứng dụng công nghệ cao tự động hóa sản xuất, quản lý giám sát khí độc; nhiệt độ, áp suất quá trình chăn nuôi

1. Xây dựng mô hình (tính cho 01 con)

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1.	Giống, vật tư				
1.1	Giống ban đầu	con	01	GÀ 01 ngày tuổi, iống được công nhận TBKT hoặc được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật	
1.2	Thức ăn hỗn hợp				

*	Thức ăn hỗn hợp cho gà hướng thịt lông màu nhập nội				Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
-	Giai đoạn 1-56 ngày tuổi	kg	2,8	Hàm lượng Protein thô 20-21%	
-	Giai đoạn từ 57 - 140 ngày tuổi	kg	9,5	Hàm lượng Protein thô 15-17%	
-	Giai đoạn từ 141-315 ngày tuổi	kg	24	Hàm lượng Protein thô $\geq 17\%$	
*	Thức ăn hỗn hợp cho gà nội				
-	Giai đoạn 1 -56 ngày tuổi	kg	2,3	Hàm lượng Protein thô 20-21%	
-	Giai đoạn từ 57 ngày tuổi đến 120	kg	8,5	Hàm lượng Protein thô 15-17%	
-	Giai đoạn từ 121-295 ngày tuổi	kg	18	Hàm lượng Protein thô $\geq 17\%$	
*	Thức ăn hỗn hợp cho gà hướng trứng				
-	Giai đoạn 1 -56 ngày tuổi	kg	1,8	Hàm lượng Protein thô 20-21%	
-	Giai đoạn từ 57 ngày tuổi đến 120	kg	5,7	Hàm lượng Protein thô 15-17%	
-	Giai đoạn từ 121-295 ngày tuổi	kg	18	Hàm lượng Protein thô $\geq 17\%$	
1.3.	Vắc xin phòng bệnh	Liều	14	Gum (3); ND-IB (2); Đậu (1); Cúm (2). ILT (2); New (4)	
1.4	Chế phẩm sinh học			(bổ sung thức ăn, nước uống và phụ chuồng trại)	
-	Bổ sung thức ăn	kg	0,03		
-	Phun chuồng trại	kg	0,1		
-	Acid hữu cơ, thảo dược đậm đặc	Lít	0,01		

1.5	Hóa chất sát trùng pha loãng theo quy định	Lít	15		
2	Thiết bị ứng dụng công nghệ cao, tự động hóa	chuồng 500-1000 m ²			
-	Thiết bị cảm biến (nhiệt độ, độ ẩm, áp suất, tốc độ gió, khí độc NH ₃ , H ₂ S)	Thiết bị	01		
-	Máng ăn tự động	con/máng	30		
-	Máng uống tự động	con/núm	20		
-	Núm phun sát trùng	núm/10m ²	01		
-	Quạt thông gió	Cái/500m ²	04		
3	Chi triển khai				
3.1	Tập huấn				
-	Số lần	Lần	01		
-	Thời gian/ lần	Ngày	01		
3.2	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	Người/điểm	01		
3.3	Thời gian triển khai	Tháng	≥4		
3.4	Tổng kết	Ngày	01		

2. Đào tạo tập huấn (tính cho 01 điểm mô hình)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Thời gian lý thuyết	Ngày	01	Đối tượng tham gia: người chưa tham gia mô hình
2	Thời gian tham quan thực hành	Ngày	01	

3. Thông tin tuyên truyền (tính cho 01 điểm mô hình)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tham quan hội thảo	Lần	01	
2	Biển báo	Chiếc/ hộ	01	
3	Tờ gấp, clip, tin bài, phóng sự....			Theo thuyết minh dự toán được phê duyệt

C. LĨNH VỰC THỦY SẢN

I. Mô hình nuôi cua biển hai giai đoạn

1. Hỗ trợ xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1. Giống, vật tư					
-	Giống cua biển			Cua giống cỡ $\geq 3\text{cm/con}$, cua khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng	Mức hỗ trợ theo
+	Giai đoạn 1	con/m ²	20		
+	Giai đoạn 2	con/m ²	≥ 3		
-	Thức ăn			- Hàm lượng protein thức ăn giai đoạn 1 $\geq 40\%$; thức ăn giai đoạn 2 $\geq 35\%$. Thức ăn nằm	
+	Giai đoạn 1:				

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
	Thức ăn công nghiệp	FCR	1,7	trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng - Cá tạp: đảm bảo chất lượng	quy định hiện hành
+	Giai đoạn 2:				
	Thức ăn công nghiệp	FCR	1.7		
+	Thức ăn cá tạp	FCR	4		
-	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hỗ trợ: ≤ 100 triệu đồng/ha.			
2. Chi triển khai					
-	Tập huấn xây dựng mô hình			Số lượng không quá 50 người/lớp	
	+ Số lần	Lần	02		
	+ Thời gian	Ngày/lần	01		
-	Tổng kết	Cuộc	01	Khi kết thúc	
-	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	Người/điểm	1-3	Có chuyên môn phù hợp	
-	Thời gian triển khai	Tháng/năm	≤6		

2. Đào tạo tập huấn (tính cho 01 điểm mô hình)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	- Thời gian lý thuyết	Ngày	01	Đối tượng tham gia: người chưa tham gia mô hình
	- Thời gian thăm quan, thực hành.	Ngày	01	

3. Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	- Thăm quan, hội thảo	Cuộc/MH	01	Số lượng ≤ 80 người/cuộc.
	- Biển báo	Biển/hộ MH	≤ 2	
	- Tờ gấp, clip, sách kỹ thuật, tin bài, phóng sự...			Theo nội dung và kinh phí được duyệt

II. Mô hình phát triển ngao bền vững

1. Hỗ trợ xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1. Giống, vật tư					Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
-	Giống	con/m ²	≤ 300	Cỡ giống ≥ 1 cm/con, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
-	Thức ăn			Thức ăn tự nhiên	
2. Chi triển khai					
-	Tập huấn xây dựng mô hình			Số lượng không quá 50 người/lớp	
	+ Số lần	Lần	01		
	+ Thời gian	Ngày/lần	01		
-	Tổng kết	Cuộc	01	Khi kết thúc	
-	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	Người/điểm	1-2	Có chuyên môn phù hợp	
-	Thời gian triển khai	Tháng/năm	≤ 10		

2. Đào tạo tập huấn (tính cho 01 điểm mô hình)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	- Thời gian lý thuyết	Ngày	01	Đối tượng tham gia: người chưa tham gia mô hình
	- Thời gian thăm quan, thực hành.	Ngày	01	

3. Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	- Thăm quan, hội thảo	Cuộc/MH	01	Số lượng $\leq$ 80 người/cuộc.
	- Biển báo	Biển/hộ MH	≤ 1	
	- Tờ gấp, clip, sách kỹ thuật, tin bài, phóng sự...			Theo nội dung và kinh phí được duyệt

III. Mô hình nuôi thâm canh cá trắm cỏ và chép bằng thức ăn công nghiệp

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1. Giống, vật tư					
-	Giống:	Con/m ²			
	Cá trắm		≤ 2	Quy cỡ giống: $\geq 100\text{g/con}$; Cá khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng.	
	Cá chép		$\leq 1,5$	Quy cỡ giống: $\geq 20\text{g/con}$; Cá khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng.	
-	Thức ăn	FCR	≤ 1.5	Thức ăn công nghiệp hàm lượng Protein $\geq 28\%$; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ	

				NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.	
-	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hỗ trợ: ≤ 150 triệu đồng/ha			
2. Chi triển khai					
-	Tập huấn xây mô hình	Số lượng không quá 50 người/lớp			
	+ Số lần	Lần	1		
	+ Thời gian	Ngày/lần	01		
-	Tổng kết	Cuộc	01	Khi kết thúc	
-	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	Người/điểm	01	Có chuyên môn phù hợp	
-	Thời gian triển khai	Tháng	≤ 10		

2. Đào tạo tập huấn (tính cho 01 điểm mô hình)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	- Thời gian lý thuyết	Ngày	01	Đối tượng tham gia: người chưa tham gia mô hình
	- Thời gian thăm quan, thực hành.	Ngày	01	

3. Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	- Thăm quan, hội thảo	Cuộc/MH	01	Số lượng ≤ 80 người/cuộc.
	- Biển báo	Biển/hộ MH	≤ 2	
	- Tờ gấp, clip, sách kỹ thuật, tin bài, phóng sự...			Theo nội dung và kinh phí được duyệt

VII. Mô hình ứng dụng công nghệ cao nuôi siêu thâm canh tôm thẻ chân trắng ba giai đoạn

1. Xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1. Giống, vật tư					
-	Giống			Quy cỡ giống PL12, khỏe mạnh; Có xuất xứ rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
	Giai đoạn 1	con/m ²	1.500-1.700		
	Giai đoạn 2	con/m ²	500-700		
	Giai đoạn 2	con/m ²	200-300		
-	Thức ăn	FCR	1,3	Hàm lượng protein thức ăn giai đoạn 1 $\geq 40\%$; thức ăn giai đoạn 2 $\geq 38\%$; thức ăn giai đoạn 3 $\geq 35\%$; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.	
-	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hỗ trợ: ≤ 200 triệu/ha			
2. Thiết bị ứng dụng công nghệ cao					
	Thiết bị cảm biến (nhiệt độ, độ mặn, pH, Oxy hòa tan, Oxy hóa khử	Bộ/ao	≤ 2		

	tầng đáy...)				Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
	Hệ thống sục khí, quạt nước...	Bộ/ao	≤ 6		
	Máy cho ăn tự động	Chiếc/ao	≤ 3		
2. Chi triển khai					
-	Tập huấn xây dựng mô hình			Số lượng không quá 50 người/lớp	
	+ Số lần	Lần	1		
	+ Thời gian	Ngày/lần	01		
-	Tổng kết	Cuộc	01	Khi kết thúc	
-	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	Người/điểm	1-2	Có chuyên môn phù hợp	
-	Thời gian triển khai	Tháng/năm	≤ 4		

2. Đào tạo tập huấn (tính cho 01 điểm mô hình)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	- Thời gian lý thuyết	Ngày	01	Đối tượng tham gia: người chưa tham gia mô hình
	- Thời gian thăm quan, thực hành.	Ngày	01	

3. Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	- Thăm quan, hội thảo	Cuộc/MH	01	Số lượng ≤ 80 người/cuộc.

- Biển báo	Biển/hộ MH	≤ 5	
- Tờ gấp, clip, sách kỹ thuật, tin bài, phóng sự...			Theo nội dung và kinh phí được duyệt

VIII. Mô hình nuôi tôm càng xanh toàn đực hai giai đoạn

1. Hỗ trợ xây dựng mô hình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1. Giống, vật tư					
-	Giống			Quy cỡ giống P20, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định	
	Giai đoạn 1	con/m ²	150		
	Giai đoạn 2	con/m ²	20		
-	Thức ăn	FCR	2.5	Hàm lượng protein thức ăn giai đoạn 1 $\geq 40\%$; giai đoạn 2 $\geq 30\%$ Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.	
-	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hỗ trợ: ≤ 150 triệu/ha			
2. Chi triển khai					
-	Tập huấn xây dựng mô hình			Số lượng không quá 50 người/lớp	
	+ Số lần	Lần	1		
	+ Thời gian	Ngày/lần	01		
-	Tổng kết	Cuộc	01	Khi kết thúc	
-	Cán bộ chỉ đạo kỹ thuật	Người/điểm	1-2	Có chuyên môn phù hợp	

-	Thời gian triển khai	Tháng/năm	≤ 7		
---	----------------------	-----------	----------	--	--

2. Đào tạo tập huấn (tính cho 01 điểm mô hình)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	- Thời gian lý thuyết	Ngày	01	Đối tượng tham gia: người chưa tham gia mô hình
	- Thời gian thăm quan, thực hành.	Ngày	01	

3. Thông tin tuyên truyền

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	- Thăm quan, hội thảo	Cuộc/MH	01	Số lượng ≤ 80 người/cuộc.
	- Biển báo	Biển/hộ MH	≤ 2	
	- Tờ gấp, clip, sách kỹ thuật, tin bài, phóng sự...			Theo nội dung và kinh phí được duyệt

